

CÔNG TY CỔ PHẦN FTP

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

TÊN GÓI THẦU:

**CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO THUÊ, BẢO TRÌ PHẦN MỀM VÀ
MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ**

DỰ TOÁN MUA SẴM:

**CUNG CẤP DỊCH VỤ THU PHÍ KHÔNG DỪNG TẠI TRẠM THU PHÍ
CHỢ ĐẦU MỐI NÔNG SẢN THỰC PHẨM BÌNH ĐIỀN**

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH CHỢ BÌNH ĐIỀN

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

(Mẫu số 7.1 Mẫu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh)

- Tên gói thầu:** Cung cấp dịch vụ cho thuê, bảo trì phần mềm và mua sắm trang thiết bị.
- Dự toán mua sắm:** Cung cấp dịch vụ thu phí không dừng tại Trạm thu phí Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Bình Điền
- Ban hành kèm theo Quyết định:** Ban hành theo Quyết định số 241/QĐ-BĐ-DV ngày 17 tháng 12 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2025



Phan Thành Tân



Nguyễn Đình Minh

MỤC LỤC

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	5
A. KHÁI QUÁT.....	5
B. CHUẨN BỊ HSĐX.....	7
C. NỘP VÀ MỞ HSĐX.....	11
D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU	12
E. TRAO HỢP ĐỒNG.....	18
Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX.....	19
Chương III. BIỂU MẪU.....	30
Mẫu số 01: ĐƠN CHÀO HÀNG	30
Mẫu số 02: GIẤY ỦY QUYỀN.....	32
Mẫu số 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH.....	34
Mẫu số 04. KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU	37
Mẫu số 05. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH	38
Mẫu số 06. HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN	39
Mẫu số 07. HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU	41
Mẫu số 08. KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH	42
Mẫu số 09. KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU.....	43
Mẫu số 10. BẢO LÃNH DỰ THẦU	44
Mẫu số 11. BIỂU GIÁ CHÀO.....	46
Mẫu số 12. BIỂU GIÁ VÀ LỊCH HOÀN THÀNH - CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	47
Mẫu số 13. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.....	48
Chương IV. PHẠM VI VÀ TIỀN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ	49
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT.....	55
Chương VI. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM.....	65
Chương VII. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	66

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

- 1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Cung cấp dịch vụ cho thuê, bảo trì phần mềm và mua sắm trang thiết bị được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ.
- 1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau: Cung cấp dịch vụ cho thuê, bảo trì phần mềm và mua sắm trang thiết bị
- 1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.

2. Nguồn vốn: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền.

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

- 4.1 “Hàng hóa/dịch vụ” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư;
- 4.2 “Xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa/dịch vụ hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa/dịch vụ trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa/dịch vụ đó.
- 4.3 Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ: Không có.
- 4.4 Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục này thì nhà thầu phải hoàn chỉnh mẫu kê khai xuất xứ trong các Biểu mẫu tương ứng quy định tại Chương III- Biểu mẫu.
 - a) Để chứng minh tính phù hợp của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp tài liệu sẽ trở thành một phần của HSDX và là bằng chứng chứng minh rằng hàng hóa/dịch vụ đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật nêu ở Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .

- b) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ có thể là hồ sơ giấy tờ, bản vẽ hoặc số liệu và phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng căn bản của hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .
- c) Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng, v.v... cần thiết để đảm bảo sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa/dịch vụ trong thời hạn quy định **03 ngày** sau khi Chủ đầu tư bắt đầu sử dụng hàng hóa/dịch vụ .
- d) Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình, vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ hoặc số catalogue do Chủ đầu tư nêu ra trong Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ khác và/hoặc số catalogue khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương căn bản hoặc thậm chí cao hơn so với thông số theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .

01000
CỘ
UẢN LÝ V
CHỢ
TỔNG
THU
SA
MỘT
9N8 - 1

B. CHUẨN BỊ HSĐX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSĐX

HSĐX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSĐX

HSĐX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 2;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa/dịch vụ và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;
- Các nội dung khác: Không có.

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu và giảm giá

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ .

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm

giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Danh mục hàng hóa/dịch vụ .

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo từng biểu giá quy định tại Mẫu số 11, 12, 13.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:

Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm danh mục hàng hóa/dịch vụ cung cấp, tiến độ cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả chi tiết hàng hóa/dịch vụ nhằm chứng minh tính phù hợp của hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu của Bên mời thầu.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

13. Thời hạn hiệu lực của HSĐX

13.1 HSĐX phải có hiệu lực ≥ 90 ngày. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

14. Bảo đảm dự thầu

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

- a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSĐX của liên danh đó sẽ bị loại.

- b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung và yêu cầu về bảo đảm dự thầu:

- Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo **Mẫu số 10**.
- Giá trị bảo đảm dự thầu: **72.966.079 VND**.
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **120 ngày** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn **14 ngày**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

- 15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bộ HSDX gốc và ghi rõ “BẢN GỐC”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp 02 bản chụp của HSDX và phải ghi rõ “BẢN CHỤP”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.
- 15.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.
- 15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.
- 15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘP VÀ MỞ HSDX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu;
- c) Ghi tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và thuê phần mềm;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước ..09...giờ, ngày 24/12/2025 (thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Bên mời thầu cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSDX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: trước ..09...giờ, ngày 24/12/2025

18. HSDX nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng.

19. Mở HSDX

Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp HSDX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSDX

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 03 ngày sau khi đóng thầu, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

21. Đánh giá các HSDX

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1 và Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

- a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
- b) Các lỗi khác:
 - Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;
 - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;
 - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;
 - Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;
 - Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
 - Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
- 22.2** Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

- 23.1** Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;
 - Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;
 - Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.
- 23.2** Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.
- 23.3** Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.
- 23.4** Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,
- b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;
- c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn

đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;
- c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 25.1** Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.2** Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.3** Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.4** Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
- 25.5** Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
- 25.6** Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;

- b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;
- c) Giá trúng thầu;
- d) Loại hợp đồng;
- e) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- f) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
- g) Thời điểm bắt đầu giải tòa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;
- h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.



E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 17.

– Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **5% giá trị hợp đồng.**

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng



Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Bước 1: Kiểm tra HSĐX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSĐX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;

i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).



Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm
*** Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:**

Các tiêu chuẩn năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Giấy tờ cần nộp		
				Tất cả các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Một thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính							
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) là 4.421.186.625 VND, trong vòng 03 năm trở lại đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 09
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. a) Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn > 1 (Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09

		b) Giá trị tài sản ròng phải ≥ 0 (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ). c) Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.					
2. Kinh nghiệm							
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 03 năm trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu. (Số năm tính từ ngày được cấp giấy phép ĐKKD trong đó có lĩnh vực cung cấp thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm hoặc giải pháp thu phí không dừng áp dụng cho các Phương tiện giao thông đường bộ hoặc lĩnh vực tương tự có liên quan	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	

		tính đến thời đóng thầu).					
2.2	Kinh nghiem thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng các hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu: 01 hợp đồng. - Có tính chất tương tự: Cung cấp các thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm hoặc giải pháp thu phí không dùng áp dụng cho các Phương tiện giao thông đường bộ. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.431.631.022 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 06
3	Năng lực sản xuất và kinh doanh	- Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Phải thỏa mãn yêu cầu	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với	Không áp dụng	Mẫu số 08

		chính trong thời gian 03 năm gần đây - Cơ sở vật chất kỹ thuật; - Tổng số lao động, trong đó số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ có liên quan đến việc thực hiện gói thầu; - Các nội dung khác (nếu có).			phần công việc đảm nhận)		
--	--	--	--	--	--------------------------	--	--

*** Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt**

ST T	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
1	Cán bộ quản lý	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành điện – điện tử; điện tử viễn thông; Công nghệ thông tin hoặc các ngành tương tự. - Đã từng làm cán bộ quản lý dự án ít nhất 01 công trình có tính chất, giá trị và quy mô tương tự với gói thầu đang xét (quy định tại Mục 2.2 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm). *Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự: Hợp đồng, biên bản thanh lý hoặc biên bản nghiệm thu hoặc giấy xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư trong đó có tên nhân sự thể hiện chức danh/vị trí công việc hoặc các tài liệu tương đương khác và hóa đơn GTGT kèm theo. - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự để thực hiện gói thầu.

				- Kèm theo giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.
2	Chuyên viên kỹ thuật	01	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành điện – điện tử; điện tử viễn thông; Công nghệ thông tin hoặc các ngành tương tự. - Đã từng làm chuyên viên kỹ thuật ít nhất 01 công trình có tính chất, giá trị và quy mô tương tự với gói thầu đang xét (quy định tại Mục 2.2 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm). *Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự: Hợp đồng, biên bản thanh lý hoặc biên bản nghiệm thu hoặc giấy xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư trong đó có tên nhân sự thể hiện chức danh/vị trí công việc hoặc các tài liệu tương đương khác và hóa đơn GTGT kèm theo. - Hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự để thực hiện gói thầu. - Kèm theo giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.

*** Tiêu chuẩn đánh giá về thiết bị chủ yếu (không áp dụng)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	-	-
2	-	-

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chuẩn chấp nhận được nhưng không được vượt quá 3 tiêu chuẩn tổng quát trong tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, tính hợp lệ:		
1.1 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.	Hàng hóa dự thầu: Hàng hóa dự thầu: chào đúng tên hàng hóa, số lượng, chủng loại, ký mã hiệu hàng hóa, hãng sản xuất, nước sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, năm suất xứ, đặc tính và thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
1.2 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa thiết bị.	- Có đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu: + Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải thể hiện rõ, đầy đủ và có xác nhận của nhà sản xuất. + Danh sách các địa điểm bảo hành có xác nhận của nhà sản xuất. + Catalogue của hàng hóa. - Có lập bảng tiêu chuẩn đáp ứng tương đương hoặc cao hơn chủng loại, đơn vị tính, số lượng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu do nhà thầu đề xuất với yêu cầu HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		

2.1 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, biện pháp thi công lắp đặt.	- Nhà thầu có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Có biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển. Phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt. - Nhà thầu có biện pháp lắp đặt tại đơn vị sử dụng: Thuyết minh hợp lý về biện pháp thi công lắp đặt tại đơn vị sử dụng. - Nhà thầu có biện pháp vận hành chạy thử và hướng dẫn sử dụng: Có biện pháp vận hành chạy thử và hướng dẫn sử dụng.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
3. Tiến độ thực hiện gói thầu		
3.1 Tiến độ thực hiện hợp đồng (thời gian thực hiện hợp đồng)	Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng ≥ 24 tháng.	Đạt
	Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng < 24 tháng.	Không đạt
3.2 Bảng tiến độ chi tiết trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu và kết thúc của các nội dung công việc và tổng tiến độ không vượt thời gian cung cấp hàng hóa theo quy định của E-HSMT.	Đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt
4. Bảo hành, cam kết		
4.1 Bảo hành theo yêu cầu tại chương V của E-HSMT.	Đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt

4.2 Có cam kết theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt
5. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		
5.1 Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng (Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận). Trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt.	- Đáp ứng các yêu cầu về thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	Đạt
	- Không đáp ứng các yêu cầu về thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	Không đạt
6. Uy tín của nhà thầu		
6.1 Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trong thời gian từ ngày 01/01/2020 trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận). Trường hợp liên danh,	- Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Không vi phạm về gian lận hoặc các vi phạm khác trong đấu thầu, dẫn đến bị xử phạt hoặc trong thời hạn bị cấm đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	Đạt
	- Nhà thầu có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu có vi phạm về gian lận	Không đạt



từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt.	hoặc các vi phạm khác trong đấu thầu, dẫn đến bị xử phạt hoặc trong thời hạn bị cấm đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu	
E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.		

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01. ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: *[điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: *[điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾*.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể ; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết nhưng thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ *[Ghi thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

31-00
Đ. T. Y.
KINH D
H. Đ.
ÔNG
G. M.
G. O.
NHH
HÀNH V
P. H. C.

Mẫu số 02. GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường

hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.



Mẫu số 03. THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định

trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [Ghi cụ thể phân công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

009-
T.Y
HỢP DANH
DIỆN
G.TY
MẠI
ĐN
I
I VIÊN
HỒ CH

Mẫu số 04. KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: [điền ngày, tháng, năm nộp hồ sơ đề xuất]

1. Tên nhà thầu: [điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: [điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]
3. Năm thành lập: [điền năm nhà thầu thành lập công ty]
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây [đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo] ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: • Tự chủ về pháp lý và tài chính • Hoạt động theo luật doanh nghiệp
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

Mẫu số 05. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp hồ sơ đề xuất]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i> Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

Mẫu số 06. HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư] [Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ			
1. Loại hàng hóa/dịch vụ	[Ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]		
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

3097-
ÔNG
Y VÀ KINH
J BÌNH
IG CÔNG
IƯỜNG
BÀI G
TNH
ỘT THÀNH
TP. H

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1). Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.
- (2). Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.



Mẫu số 07. HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 08. KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU
TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH**

1. Tên nhà thầu: _____
Địa chỉ: _____
2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
 - a) Sản xuất:
 - _____⁽¹⁾ từ năm: _____ đến năm: _____
 - _____ từ năm: _____ đến năm: _____
 - ...
 - b) Kinh doanh:
 - _____⁽²⁾ từ năm: _____ đến năm: _____
 - _____ từ năm: _____ đến năm: _____
 - ...
3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong _____⁽³⁾ năm gần đây:
 - a) Sản xuất:
 - b) Kinh doanh:
4. Tổng số lao động hiện có:
 - a) Trong lĩnh vực sản xuất:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁴⁾
 - b) Trong lĩnh vực kinh doanh:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: ⁽⁴⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1). Ghi lĩnh vực sản xuất chính
- (2). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính
- (3). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).
- (4). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

Mẫu số 09. KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 10. BẢO LÃNH DỰ THẦU (Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo đảm: [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]⁽¹⁾ (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương I;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.



Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

Các Mẫu biểu giá

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chỉ dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa/dịch vụ quy định tại Chương IV. PHẠM VI VÀ TIỀN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ]

Mẫu số 11. BIỂU GIÁ CHÀO

STT	Danh mục thiết bị/ dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) =(5) x (7)
1							
2							
3							
Cộng							
Thuế							
Phí (nếu có)							
Tổng cộng							

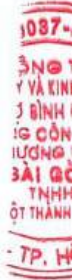
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 12. BIỂU GIÁ VÀ LỊCH HOÀN THÀNH - CÁC THIẾT BỊ/ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7
Dịch vụ số	Mô tả thiết bị/ dịch vụ (không bao gồm vận chuyển nội địa và các dịch vụ khác cần thiết trong Việt Nam để chuyển chở hàng hóa/dịch vụ đến đích cuối cùng)	Nước xuất xứ	Ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5*6 hoặc ước tính)
[điền số hiệu dịch vụ]	[điền tên Dịch vụ]	[điền tên nước xuất xứ của dịch vụ]	[điền ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng]	[điền số lượng đơn vị dịch vụ sẽ được cung cấp và đơn vị tính]	[điền đơn giá cho hạng mục]	[điền tổng giá của hạng mục]
					Tổng giá chào thầu	

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký HSDX] Ngày [điền ngày]



Mẫu số 13. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]², theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...³, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

² Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

³ Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”



Chương IV. PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ được Bên mời thầu đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa/dịch vụ sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSĐX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa/dịch vụ với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa/dịch vụ được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);

2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp dịch vụ

Hạng mục chính số	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng cuối cùng (Địa điểm Dự án) theo quy định ở BDS	Ngày giao hàng (theo Incoterms)		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng sớm nhất
1	Thiết bị						
1.1	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Thiết bị đọc thẻ RFID. - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.2	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Ăng-ten kết nối với đầu đọc RFID. - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.3	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Cáp kết nối cho ăng-ten dài 10m. - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.4	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Cáp kết nối tín hiệu cho Reader 8m. - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.5	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Tủ điều khiển làn xe - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	2	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	

1.6	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Camera ghi nhận biển số - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.7	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Camera chụp ảnh làn xe - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.8	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Máy tính vận hành (máy tính công nghiệp) - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.9	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bộ lưu điện (UPS) - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	2	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.10	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bộ đo và vòng từ phát hiện xe - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	8	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.11	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bộ chuyển mạch 8 cổng nguồn POE - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	

1.12	- Tên hàng hóa/dịch vụ: License nhận dạng biển số - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	License	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.13	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bộ đèn giao thông xanh đỏ - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.14	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bảng LED thông báo mời xe vào và ra hiện thị thông tin như mức phí, tình trạng làn thu phí - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Bộ	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.15	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Hộp nút điều khiển - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Cái	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.16	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Vật tư phụ lắp đặt cho hệ thống thiết bị - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	1	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
1.17	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Vận chuyển, bốc vác và thuê kho bảo quản thiết bị tại hiện trường - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	1	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2	Hạ tầng						

2.1	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Cát đường làm hạ tầng đặt Ống HDPE ngầm cho hệ thống - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	8	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2.2	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Khung gắn anten - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	4	Cái	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2.3	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Gờ giảm tốc - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	24	Mét	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2.4	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Cọc tiêu chóp nón phân làn - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	20	Cái	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2.5	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bảo vệ camera - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	8	Cái	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
2.6	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Bảng biển thông báo phân làn - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	2	Cái	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	

2.7	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Cấp nguồn, cấp điều khiển, cấp mạng - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	1	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
3	Lắp đặt và triển khai						
3.1	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Nhân công lắp đặt - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	1	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
3.2	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Nhân sự đào tạo vận hành - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	1	Gói	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
4	Phí dịch vụ phần mềm						
4.1	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Chi phí thuê phần mềm - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	2	Năm	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	
4.2	- Tên hàng hóa/dịch vụ: Chi phí bảo trì phần mềm - Mô tả hàng hóa/dịch vụ: Theo quy định tại Chương V.	2	Năm	Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền	5	15	

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. GIỚI THIỆU VỀ GÓI THẦU

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ cho thuê, bảo trì phần mềm và mua sắm trang thiết bị.
- Tên dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ thu phí không dừng tại Trạm thu phí Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Bình Điền.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền. Địa chỉ: Khu phố 51, Phường Bình Đông, TP. Hồ Chí Minh.
- Chủ đầu tư: Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền.
- Nguồn vốn đầu tư: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng, kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết *(Kể cả ngày nghỉ và ngày lễ, tết)*.

B. MỤC TIÊU CÔNG VIỆC

Để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông, mang lại sự tiện lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người sử dụng, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý đảm bảo mục đích, yêu cầu chung:

- Kiểm soát hiệu quả lượng xe ra vào Chợ Bình Điền, không còn kẹt xe, ùn tắc lưu thông.
- Hạn chế tối đa các sai sót và việc thu phí thủ công, sử dụng tiền mặt trong giao dịch tại Trạm thu phí Chợ Bình Điền;
- Đảm bảo nhận dạng được biển số xe, truy vết được hình ảnh chính xác các phương tiện và cả tài xế khi cần thiết.
- Đáp ứng mục tiêu chương trình hành động số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57/NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong đó chỉ đạo triển khai thu phí không dừng tại các bến xe, bãi đỗ trong đô thị để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị;
- Đồng bộ giải pháp công nghệ RFID sử dụng thẻ đầu cuối như đã quy định

tại Nghị định số 119/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ; Quy định một số chính sách mới nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống thu phí điện tử không dừng, mở rộng các hình thức thanh toán để tạo thuận lợi cho chủ phương tiện và phù hợp với quy định thanh toán không dùng tiền mặt hiện hành;

C. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU

1. Quy trình vận hành và thu phí ở Chợ đầu mối Bình Điền

1.1 Làn vào:

- Phương tiện di chuyển đến vị trí quy định tại làn vào.
- Thiết bị RFID và Camera ghi nhận thông tin và hình ảnh xe.
- Sau khi hình ảnh và thông tin được ghi nhận, barie tự động mở, cho phép phương tiện di chuyển vào chợ.

1.2 Làn ra:

- Phương tiện di chuyển đến vị trí quy định tại làn ra.
- Thiết bị RFID và Camera ghi nhận thông tin xe cũng như hình ảnh xe.
- Hệ thống kiểm tra, tự động tính phí theo mức phí đã cấu hình sau đó trừ trực tiếp từ tài khoản giao thông (nếu đủ điều kiện).
- Nếu xe không đủ điều kiện thu phí tự động qua TKG, nhân viên sẽ hỗ trợ như sau:
 - + Hướng dẫn thanh toán qua mã Qr động theo phiên ghi nhận.
 - + Thu tiền mặt và xác nhận giao dịch trên phần mềm của hệ thống.

2. Yêu cầu chung của hệ thống

Phương án triển khai Trạm thu phí giao thông tự động không dừng tại Chợ Bình Điền cần đáp ứng các yêu cầu chung sau:

2.1 Yêu cầu chung

Hệ thống kiểm soát phương tiện tự động giúp rút ngắn thời gian xử lý, loại bỏ thao tác thủ công, giảm thiểu tình trạng ùn ứ tại các làn ra/vào, đặc biệt trong các khung giờ cao điểm.

Thanh toán qua tài khoản giao thông, đảm bảo quy trình nhanh chóng, chính xác, tiện lợi, đồng thời góp phần giảm ùn tắc.

Ứng dụng công nghệ RFID kết hợp với camera AI, đảm bảo khả năng ghi nhận chính xác thông tin phương tiện và tài xế, đạt độ chính xác lên tới 99,8%.

Dữ liệu tải trọng được truy xuất với hệ thống đăng kiểm quốc gia, hỗ trợ phân loại, kiểm soát xe và tính đúng phí dịch vụ theo quy định

2.2 Yêu cầu cụ thể

Nội dung các hạng mục triển khai của giải pháp bao gồm:

2.2.1 Mô tả chi tiết hàng hóa/dịch vụ:

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ	ĐVT	SL
I	THIẾT BỊ		
1	Thiết bị đọc thẻ RFID Phạm vi tần số hoạt động: ~ 918-923 MHz Nguồn cấp: 24 VDC, công suất ~ 46 W chuẩn hỗ trợ: ISO 18000-6C / EPC C1G2 (có thể hỗ trợ G2V2) Có giao tiếp Ethernet (LAN) Hỗ trợ PoE để cấp nguồn + truyền dữ liệu Giao tiếp RS-232 (qua cổng GPIO / Serial)	Bộ	4
2	Ăng-ten kết nối với đầu đọc RFID Kích thước (Front / Back view): 60 mm × 15 mm; chiều dài tổng thể ~ 200 mm; độ cong bán kính R5.50 mm Gắn trụ (pole mounting): sử dụng U-bolt; đường kính trụ tối thiểu ~ 25 mm, tối đa ~ 50 mm Vật liệu và môi trường: thiết kế dùng ngoài trời, chịu được thời tiết và nhiệt độ khắc nghiệt	Bộ	4
3	Cáp kết nối cho ăng-ten dài 10m Kiểu cáp: Low Loss Times Micro LMR Đầu nối: N-Type Male – N-Type Male Vỏ cách điện: vỏ nhựa (plastic insulation) Protec Controls Điện áp chịu đựng (cáp): ~ 24 VDC	Bộ	4
4	Cáp kết nối tín hiệu cho Reader 8m Kiểu cáp: Low Loss Times Micro LMR Đầu nối: N-Type Male – N-Type Male Vỏ cách điện: vỏ nhựa (plastic insulation) Protec Controls Điện áp chịu đựng (cáp): ~ 24 VDC	Bộ	4
5	Tủ điều khiển làn xe Kích thước: 800x600x250mm Sơn tĩnh điện màu kem nhẵn Liệt kê chi tiết thiết bị Thiết bị điều khiển và các thiết bị phụ kèm theo giải pháp như CB đóng cắt, tiếp điểm, relay v.v...	Bộ	2

6	Camera ghi nhận biển số Chuẩn nén H265+ Ống kính IP 4MP, 2.8 12mm, CMOS 1/28', 0.005Lux. IR 60m, IP 67, IK10, POE	Bộ	4
7	Camera chụp ảnh làn xe Chuẩn nén H265+ Ống kính IP 4MP, 2.8 12mm, CMOS 1/28', 0.005Lux. IR 60m, IP 67, IK10, POE	Bộ	4
8	Máy tính vận hành (máy tính công nghiệp) Vỏ máy (Chassis): IPC-7132MB-30B, cho bo mạch ATX/uATX Bo mạch chủ (Mainboard): Micro-ATX, hỗ trợ bộ xử lý Intel® Core™ thế hệ 12/13/14, socket LGA1700 Nguồn (Power Supply): 80+ Bronze PS/2 SPS 300W ATX (FSP), đạt chuẩn RoHS Bộ xử lý (Processor): Intel® Core™ i5-13400, bộ nhớ đệm 20M, tốc độ lên tới 4,60 GHz Tản nhiệt CPU (CPU Cooler): LGA1700 CPU Cooler (dành cho CPU TDP ≤ 65W) Bộ nhớ (Memory): RAM 16GB DDR4 DIMM Lưu trữ (Storage): 512GB 2.5" SATA SSD 3TE7 (Công nghiệp, chuẩn tiêu chuẩn, nhiệt độ hoạt động 0°C ~ +70°C) Dây nguồn AC Hệ điều hành hỗ trợ (OS Support): Windows 10/11	Bộ	4
9	Bộ lưu điện (UPS) Công suất: 2200VA/1200W Điện áp: 230 Vac ± 10% Số pha: 1 pha (2 dây + dây tiếp đất)	Bộ	2

10	Bộ đo và vòng từ phát hiện xe Điện áp: 220V Đèn chỉ báo trực quan: 1 * Power LED – Red, 2 * Channel Status LED – Green Relay Outputs: 2 * Relays Rated – 3A@120VAC, 3A@24VDC Độ nhạy: Có thể điều chỉnh theo 3 mức tăng (cao .trung bình. thấp) Operating Temperature:-20°C to +65°C Storage temperature:-40°C to +85°C Frequency Range:20 kHz to 170 kHz Thời gian phản hồi: 100ms Loop inductance: Lí tưởng 80μH to 300μH (incl. conn. wiring): Tối đa từ 50μH đến 500μH Loop connection: Tối ưu <5m Loop connection wiring: Chiều dài tối đa 200 mét Xoắn ít nhất 20 lần trên mỗi mét Kích thước vòng từ: 35x74x85 mm (WxHxL)(Vòng từ theo thực tế hiện trường đo đặc để đảm bảo tối ưu nhận diện phương tiện trong làn thu phí.)	Bộ	8
11	Bộ chuyển mạch 8 cổng nguồn POE Số cổng: 8 cổng RJ45 10/100Mbps PoE + 1 cổng RJ45 10/100Mbps uplink Tiêu chuẩn PoE hỗ trợ: IEEE 802.3af/at Công suất tối đa mỗi cổng: 30W Tổng ngân sách PoE: 60W Khoảng cách truyền PoE tối đa: 300m (chế độ mở rộng) Công suất chuyển mạch: 1.8 Gbps Tốc độ chuyển mạch gói: 1.34 Mpps Bảng địa chỉ MAC: 2.000 mục Bộ nhớ đệm: 1 Mbit Chống sét: 6 kV cho các cổng PoE Chế độ hoạt động: Store-and-forward Vật liệu vỏ: Kim loại cứng, không quạt Tiêu chuẩn tuân thủ: IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x	Bộ	4
12	License nhận dạng biển số Độ chính xác: ~98% Tốc độ nhận dạng: 15–50 ms mỗi khung hình Khoảng cách nhận dạng: 2–10 m Hỗ trợ nhiều định dạng biển số Tích hợp: với camera, VMS, hệ thống kiểm soát ra/vào Hoạt động tốt trong điều kiện ánh sáng yếu	License	4

13	Bộ đèn giao thông xanh đỏ Nguyên liệu sản xuất: Thép, đèn PC; - Kích thước: (L)580mm x (W)260mm x (H)180mm; - Nguồn điện mặt trời: 10W; - Nguồn điện dự trữ: 12V x 12Ah; - Số lần nhấp nháy: Nháy liên tục; - Bóng led : đèn đỏ 12 leds, đèn xanh 12 leds;- Xe đã thanh toán báo đèn xanh - Xe chưa thanh toán báo đỏ Kết nối giải pháp thông báo giao dịch	Bộ	4
14	Bảng LED thông báo mời xe vào và ra hiển thị thông tin như mức phí, tình trạng làn thu phí Chức năng: Hiển thị thông tin mời xe vào/ra, mức phí, tình trạng làn thu phí (mở/đóng, lỗi, v.v.). Loại hiển thị: LED ma trận dễ quan sát từ xa. Ứng dụng: Bãi đỗ xe, trạm thu phí tự động, quản lý giao thông ra/vào. Tính năng bổ sung: Có thể kết nối với hệ thống thu phí tự động, cập nhật thông tin thời gian thực, chịu được môi trường ngoài trời.	Bộ	4
15	Hộp nút điều khiển nút nhấn và đèn báo dùng để bật/tắt hoặc điều khiển thiết bị barrier ứng dụng cho bãi đỗ xe, trạm thu phí, hoặc hệ thống tự động.	Cái	4
16	Vật tư phụ lắp đặt cho hệ thống thiết bị	Gói	1
17	Vận chuyển, bốc vác và thuê kho bảo quản thiết bị tại hiện trường	Gói	1
II	HẠ TẦNG		
1	Cắt đường làm hạ tầng đặt Ống HDPE ngầm cho hệ thống	Gói	8
2	Khung gắn anten Chức năng: Giữ anten cố định, định hướng chính xác để thu/phát tín hiệu tối ưu. Vật liệu: Hợp kim chịu thời tiết, chống gỉ và chịu môi trường ngoài trời. Khả năng điều chỉnh: Có thể xoay/ngiên/điều chỉnh độ cao để hướng anten phù hợp. Ứng dụng: Lắp anten RFID, Wi-Fi, LTE, LPR/ANPR, trạm thu phí, bãi đỗ xe.	Cái	4

3	Gờ giảm tốc Kích thước 4cm x 30 x 100cm Chất liệu: Cao su tổng hợp vàng /đen Các tấm được xiếp nối tiếp nhau thành đường dài và được cố định bằng tắc ke chuyên dụng	Mét	24
4	Cọc tiêu chóp nón phân làn Kích thước: 750x400x400, Chất liệu Cao su và nhựa PVC. Màu sắc Trắng, vàng, cam, đen.	Cái	20
5	Bảo vệ camera – Vỏ bảo vệ camera cố định có giá đỡ – Chống bụi, nước theo tiêu chuẩn IP66 – Loại sử dụng: Ngoài trời. – Chất liệu: Hợp kim nhôm sơn tĩnh điện. Kích thước 38 x 12 x 15cm – Dễ dàng lắp đặt và điều chỉnh, Thiết kế trượt mở – Thiết kế chắc chắn, kiểu dáng đẹp, chất lượng cao. – Quạt tản nhiệt có thể gắn trong – Nhiệt độ: -10°C ~ +50°C, giữ độ ẩm -20% ~ 49% Kèm theo chân đế vỏ hộp phù hợp lắp đặt mọi camera giám sát ngoài trời	Cái	8
6	Bảng biển thông báo phân làn Kích thước: 750 x 1500 mm Hiển thị thông tin phân làn giao thông, hướng dẫn xe vào ra đúng làn. Vật liệu: Khung thép chịu được môi trường ngoài trời.	Cái	2
7	Cáp nguồn: 2 lõi, tiết diện 4 mm², vỏ PVC Cáp điều khiển: 2 lõi, tiết diện 1 mm², vỏ PVC Cáp mạng: Cat 6, chuẩn Ethernet	Gói	1
III	LẮP ĐẶT VÀ TRIỂN KHAI		
1	Nhân công lắp đặt	Gói	1
2	Nhân sự đào tạo vận hành	Gói	1
IV	PHÍ DỊCH VỤ		
1	Chi phí thuê phần mềm	Năm	2
2	Chi phí bảo trì phần mềm	Năm	2

2.2.2 Cung cấp phần mềm, kết nối thanh toán qua tài khoản giao thông

a. Phần mềm vận hành

- Hỗ trợ cấu hình xem nhiều làn, đảo làn cùng lúc.
- Hỗ trợ các tính năng thu phí không dừng qua tài khoản giao thông, thu phí không tiền mặt (QRCode)
- Kết nối đến hệ thống trung tâm để đồng bộ thông tin.
- Phân quyền, thay ca nhân viên.
- Thống kê giao dịch theo thời gian thực.
- Quản lý doanh thu theo ngày giờ.
- Truy vết các phương tiện vận chuyển qua trạm khi cần hoặc khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Tách bạch doanh thu chuyển khoản và doanh thu tiền mặt.

b. Trang quản lý tập trung

Hệ thống quản lý tập trung được xây dựng trên nền tảng đám mây, cho phép chủ đầu tư và người quản lý vận hành truy cập từ máy tính và điện thoại di động dễ dàng. Bao gồm các chức năng sau:

- Theo dõi tổng quan tình hình hoạt động của Trạm thu phí, bao gồm báo cáo doanh thu, đối soát và giao dịch theo thời gian thực.
- Quản lý tài khoản và phân quyền nhân viên.
- Thiết lập và đăng ký các loại vé ưu tiên.
- Thiết lập và quản lý nhiều loại biểu phí, cước phí và phương tiện.
- Quản lý, theo dõi danh sách các xe vi phạm.
- Quản lý, tra soát hóa đơn điện tử.
- Quản lý hậu kiểm giao dịch theo hình ảnh thực tế.

c. Trang báo cáo tập trung

Hệ thống có website báo cáo, được cập nhật liên tục từ dữ liệu hệ thống, bao gồm các chức năng sau:

- Phân quyền người dùng rõ ràng, dễ quản lý.
- Giao diện trực quan, dễ thao tác.
- Dễ dàng mở rộng và tích hợp với các hệ thống khác thông qua kết nối API.

- Báo cáo hiển thị tổng quan doanh thu, giao dịch, và tỷ lệ phương thức thanh toán (tiền mặt, ví điện tử, ETC, v.v.), giúp nhà quản lý theo dõi và đánh giá hiệu quả vận hành một cách nhanh chóng và chính xác.

2.2.3 Bảo trì phần mềm theo yêu cầu quản lý

Dịch vụ bảo trì phải đảm bảo duy trì hoạt động ổn định của toàn bộ phần mềm hệ thống trạm thu phí tự động, bao gồm Front-End tại trạm và Back-End quản trị.

➤ Bảo trì định kỳ

- Kiểm tra hiệu năng, rà soát lỗi tối thiểu 01 lần/tháng.
- Cập nhật các bản vá lỗi/bảo mật mà không làm gián đoạn hệ thống.
- Đảm bảo tương thích với toàn bộ thiết bị RFID, camera, barrier đang sử dụng.

➤ Cập nhật theo yêu cầu quản lý

Khi Công ty Quản Lý và Kinh Doanh Chợ Bình Điền hoặc cơ quan Nhà nước yêu cầu thay đổi quy trình, mẫu biểu báo cáo hoặc tích hợp dữ liệu, Đơn vị cung cấp dịch vụ phải tiếp nhận, phản hồi và triển khai cập nhật không phát sinh chi phí ngoài hợp đồng.

➤ SLA cam kết.

- Hệ thống hoạt động ổn định, xuyên suốt $\geq 99,5\%$ /tháng.
- Phản hồi sự cố ≤ 15 phút, xử lý tạm thời ≤ 2 giờ, khắc phục hoàn tất ≤ 48 giờ.
- Dữ liệu và bàn giao

Toàn bộ dữ liệu giao dịch thuộc sở hữu Công ty quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền. Dữ liệu phải sao lưu hàng ngày, cho phép trích xuất theo CSV/API và bàn giao đầy đủ khi kết thúc hợp đồng.

2.3 Yêu cầu về quản lý tài chính

- Hóa đơn điện tử tự động cho từng giao dịch phát sinh khi qua Trạm thu phí và liên thông với cơ quan Thuế.
- Hóa đơn xuất cho khách hàng khi phát sinh giao dịch tại Trạm Thu Phí cấp phải hợp lệ, hợp pháp theo các quy định pháp luật hiện hành từng thời điểm. (Hiện nay căn cứ theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10

năm 2020, nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2025 và thông tư số: 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025).

- Hằng ngày, Đơn vị cung cấp dịch vụ tổng kết doanh thu thu hộ tại Trạm thu phí Bình Điền và chuyển khoản lại đầy đủ cho Công ty chợ Bình Điền vào ngày kế tiếp.
- Đơn vị cung cấp dịch vụ xuất hóa đơn phí dịch vụ cho Công ty chợ Bình Điền sau khi hai bên đối chiếu, xác nhận tại biên bản nghiệm thu do người đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng lập và ký kết vào định kỳ cuối tháng.
- Dữ liệu thu phí sẽ được gửi tự động hằng ngày qua Web Portal để đối soát số liệu.
- Các báo cáo doanh thu sẽ được thực hiện theo biểu mẫu do Công ty chợ Bình Điền cung cấp và có thể xuất ra file Excel. Thời gian xử lý có thể thay đổi tùy theo mức độ chi tiết và yêu cầu của từng báo cáo. Nội dung này sẽ được cụ thể hóa trong quy chế phối hợp giữa hai bên.

2.4 Yêu cầu khác

Hệ thống phải đảm bảo về bảo mật an toàn thông tin, tránh rủi ro gian lận, can thiệp hệ thống.

Dữ liệu sẽ được lưu trữ tại 3 nơi (máy tính tại làn thu phí, Máy chủ tại Chợ Bình Điền, Server của đơn vị cung cấp dịch vụ).

2.5 Yêu cầu về an toàn lao động

- Cán bộ triển khai phải được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ, phải có kế hoạch tập huấn hướng dẫn an toàn lao động cho cán bộ triển khai.
- Cán bộ triển khai khi làm việc phải sử dụng đúng đắn các phương tiện cá nhân đã được cấp phát; Không được đi dép lê hay đi guốc và phải mặc quần áo gọn gàng.

009
T Y
H D O A N
Đ I E N
G T Y
M A I
Đ I N
V I E N
5 C H I

Chương VI. KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT
- Thử nghiệm: Theo quy định.



Chương VII. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG ⁽⁴⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường

⁽⁴⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.



hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa/dịch vụ được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa/dịch vụ như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu

mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...].

b) Thời hạn thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ ngày trước khi ký hợp đồng]

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ % giá hợp đồng [Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá hợp đồng].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa/dịch vụ được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn

thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa/dịch vụ và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa/dịch vụ có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa/dịch vụ và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/dịch vụ : _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/dịch vụ , bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ được cung cấp để đảm bảo hàng hóa/dịch vụ đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi*



phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa/dịch vụ không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]. Trường hợp hàng hóa/dịch vụ không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa/dịch vụ không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa/dịch vụ của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa/dịch vụ

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa/dịch vụ mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa/dịch vụ do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa/dịch vụ được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa/dịch vụ

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa/dịch vụ như sau: _____ [Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa/dịch vụ trong thời hạn bảo hành...].

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ

____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

